

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 665/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
giữa chị P với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Nguyễn Ngọc Đây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú P, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Cái Oanh, xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Khánh Lợi, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Tú P trình bày:

1. Về hôn nhân: Hai vợ chồng quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2014. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do chồng thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ, vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn P N, sinh ngày 11/01/2015 và Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 31/12/2015. Hiện cháu Ch đang sinh sống chung với chị và cháu Nguyễn P N sống chung với cha. Nay yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch, chị đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T để ghi nhận ý kiến nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T; giao con chung tên Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 31/12/2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn P N, sinh ngày 11/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu; đề nghị dành cho anh T khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Ch, cháu N; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 1, ngày 16/9/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân hơn 02 năm, chị P và anh T đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P.

[2.2] Về con chung:

Chị P và anh T có hai con chung tên Nguyễn P N, sinh ngày 11/01/2015 và Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 31/12/2015. Hiện cháu Ch đang sinh sống với chị P, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch. Cháu N đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P đồng ý giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt không trình bày ý kiến.

Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị P nuôi cháu Ch, anh T nuôi cháu N. Xét yêu cầu của chị P để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ch cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị P không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T vắng mặt không trình bày ý kiến, giành cho anh T quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Tú P ly hôn với anh Nguyễn Hoài T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01, ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị P và anh T có hai con chung tên Nguyễn P N, sinh ngày 11/01/2015 và Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 31/12/2015.

Giao cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 31/12/2015 cho chị Trần Thị Tú P trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn P N, sinh ngày 11/01/2015 cho anh Nguyễn Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Tú P, anh Nguyễn Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T vắng mặt không trình bày ý kiến, giành cho anh T quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Tú P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã

nộp theo biên lai thu số: 0005233 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chào Nguyễn Ngọc Đây

Lê Thị Hồng Thi

